

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng hơn 26 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,557.42 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính tăng hơn 5%, dẫn đầu đà tăng; theo sau là ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp và Xây dựng & vật liệu. Ở chiều ngược lại, ngành Dầu khí có mức điều chỉnh nhẹ không đáng kể. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, UPCOM và mua ròng trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường ủng hộ đà tăng của chỉ số. VN-Index còn động lực để tiếp tục chinh phục các đỉnh cao mới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 28/07/2025, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+26.29** điểm, đóng cửa tại **1557.42** điểm. HNX-Index **+9.23** điểm, đóng cửa tại **263.79** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+2.00)**, **VHM (+1.83)**, **VCB (+1.55)**, **VIC (+1.35)**, **SHB (+1.05)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VRE (-0.08)**, **PLX (-0.07)**, **FRT (-0.04)**, **BMP (-0.04)**, **SIP (-0.03)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **44,340** tỷ đồng, tăng **23.38%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 46,754 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 26.99 điểm. Thị trường có **258** mã tăng, 38 mã tham chiếu, **81** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1048.52** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-417.73 tỷ)**, **FPT (-149.81 tỷ)**, **GVR (-106.00 tỷ)**, **VIX (-104.85 tỷ)**, **SSI (-103.29 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **107.59** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+2.04%**. Các mã diễn biến tích cực:
PDR (+6.99%) [\(Link báo cáo\)](#)
TPB (+5.45%) [\(Link báo cáo\)](#)
HCM (+5.44%)
- BSC50 **+2.25%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBS (+10.00%)
NKG (+6.98%) [\(Link báo cáo\)](#)
OCB (+6.95%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	2.04%	2.25%	1.72%	1.58%
1 tuần	2.27%	5.44%	4.87%	4.15%
1 tháng	9.02%	14.02%	13.56%	14.89%
3 tháng	25.75%	28.67%	27.00%	29.46%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,557.42	263.79	106.94
% 1D	1.72%	3.63%	1.11%
GTKL (tỷ VND)	44,340	3,946	1,368
%1D	23.38%	25.19%	-7.70%
GDNN (tỷ VND)	-1048.52	107.59	-43.40

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SHB	334.34	HPG	-417.73
VNM	75.13	FPT	-149.81
LPB	58.27	GVR	-106.00
OCB	53.90	VIX	-104.85
EIB	45.05	SSI	-103.29

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

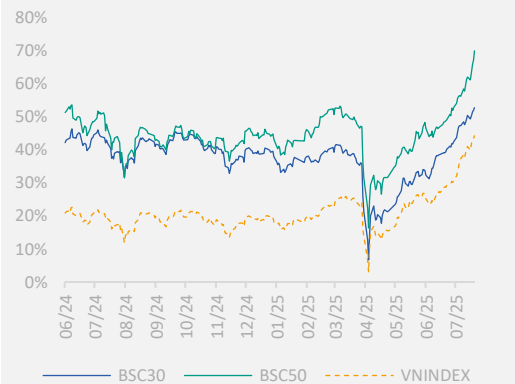
		%D	%W
SPX	6,389	0.40%	1.46%
FTSE100	9,130	0.10%	1.30%
Eurostoxx	5,401	0.82%	1.22%
Shanghai	3,598	0.12%	1.07%
Nikkei	40,998	-1.10%	3.02%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	68.86	0.62%
Giá vàng	3,334	-0.01%
Tỷ giá		
USD/VND	26,335	0.06%
EUR/VND	31,529	0.19%
JPY/VND	181	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.4%	0.00%
LS LNH 1M	4.9%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	25.10	4.37%	2.00	7.93
VHM	95.60	2.03%	1.83	4.11
VCB	62.80	1.29%	1.55	8.36
VIC	115.60	1.31%	1.35	3.88
SHB	16.10	6.98%	1.05	4.07

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	35.20	10.00%	1.29	0.57
SHS	20.40	9.68%	1.13	0.89
CEO	25.10	9.61%	0.83	0.54
BAB	13.90	9.45%	0.80	0.96
HUT	15.50	6.90%	0.61	0.89

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HSL	7.80	7.00%	0.00	0.85
SJS	171.40	6.99%	0.31	3.32
CII	17.60	6.99%	0.15	51.40
PDR	22.20	6.99%	0.32	44.26
NKG	16.10	6.98%	0.11	36.66

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TKU	14.40	9.92%	0.25	0.00
VC1	12.20	9.91%	0.05	0.00
ADC	20.00	9.89%	0.03	0.00
LHC	84.50	9.88%	0.46	0.28
PTD	6.70	9.84%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VRE	29.35	-0.51%	-0.08	2.27
PLX	37.85	-0.66%	-0.07	1.27
FRT	156.60	-0.89%	-0.04	0.14
BMP	143.40	-1.31%	-0.04	0.08
SIP	67.00	-1.03%	-0.03	0.21

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	175.00	-1.69%	-0.38	0.20
KSF	66.20	-1.05%	-0.13	0.30
DHT	87.30	-1.91%	-0.09	0.08
NTP	68.30	-1.01%	-0.08	0.17
NFC	62.10	-9.74%	-0.06	0.02

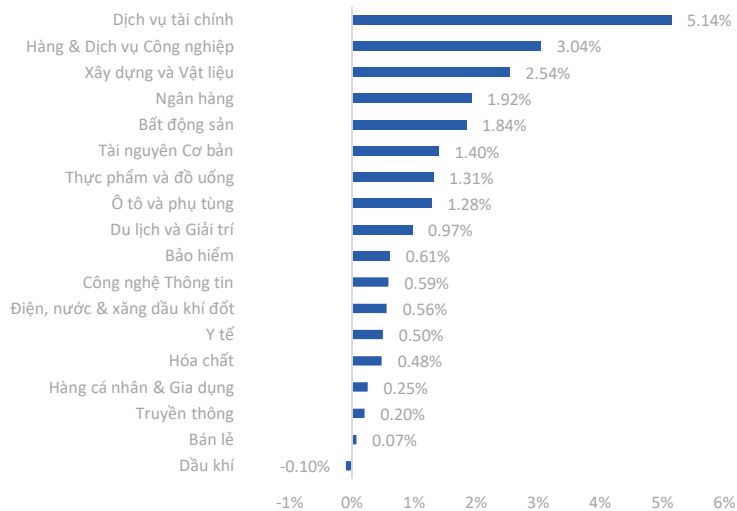
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VNS	9.91	-6.95%	-0.01	0.55
LDG	5.63	-6.94%	-0.02	25.55
TCD	3.02	-4.13%	-0.01	7.17
TCR	3.05	-3.79%	0.00	0.00
FUCTVGF3	13.70	-3.52%	0.00	0.00

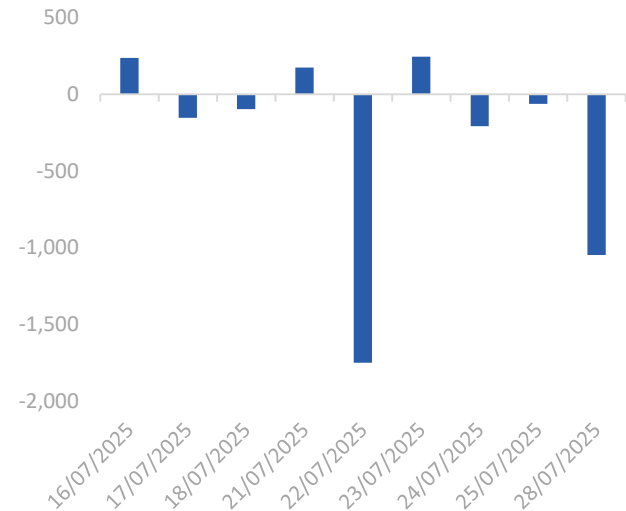
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VE3	7.30	-9.88%	0.00	0.00
NFC	62.10	-9.74%	-0.36	0.00
HEV	12.20	-9.63%	0.00	0.00
VLA	9.80	-9.26%	-0.01	0.01
STC	16.80	-8.70%	-0.03	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	70.2	0.1%	1.3	103,640	736.5	2,975	23.6		49.0%	
KBC	Bất động sản	30.0	2.6%	1.3	27,499	252.5	1,597	18.3		15.3%	
KDH	Bất động sản	29.3	2.1%	1.2	31,922	218.1	812	35.4		34.1%	
PDR	Bất động sản	22.2	7.0%	1.5	18,825	967.3	179	115.9	23,600	9.5%	Link
VHM	Bất động sản	95.6	2.0%	1.0	384,865	677.1	7,766	12.1	81,300	10.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	111.3	0.5%	0.8	188,581	847.1	5,092	21.7	136,500	40.9%	Link
BSR	Dầu khí	19.8	0.0%	0.0	61,390	302.3	(37)	(539)		0.3%	
PVS	Dầu khí	34.2	-0.3%	1.4	16,394	313.1	2,303	14.9	38,600	12.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.2	5.4%	1.5	27,809	741.5	1,173	22.0		38.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	35.8	5.3%	1.4	67,044	1752.3	1,545	22.0		42.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	45.0	4.4%	1.5	31,108	895.2	1,370	31.4		29.4%	
DCM	Hóa chất	35.7	0.3%	1.3	18,847	173.1	2,805	12.7	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	105.5	0.3%	1.4	39,953	384.5	8,205	12.8	109,300	14.9%	Link
ACB	Ngân hàng	23.9	1.1%	0.9	121,225	417.5	3,305	7.1	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	39.4	1.4%	1.0	272,780	448.9	3,643	10.7	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	45.6	0.0%	1.2	244,872	504.3	4,806	9.5	50,000	27.2%	Link
HDB	Ngân hàng	28.5	0.7%	1.2	98,735	759.7	3,985	7.1	26,400	17.5%	Link
MBB	Ngân hàng	28.8	1.1%	1.0	173,610	737.7	4,049	7.0	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	14.7	4.3%	1.1	36,660	354.3	2,150	6.6	14,000	28.3%	Link
STB	Ngân hàng	49.1	0.6%	1.1	91,999	756.1	5,767	8.5		20.0%	
TCB	Ngân hàng	35.6	1.1%	1.0	248,683	1195.3	3,019	11.7	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.5	5.5%	1.1	41,215	676.4	2,383	6.6	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	62.8	1.3%	0.9	518,052	677.0	4,063	15.3	69,200	22.0%	Link
VIB	Ngân hàng	18.9	2.5%	1.0	62,490	568.1	2,105	8.7	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	25.1	4.4%	1.0	190,811	1443.1	2,193	11.0	26,500	25.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.4	1.2%	1.3	199,946	2657.1	1,628	16.0	35,800	22.6%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	19.4	3.8%	1.4	11,581	415.2	752	24.8	16,800	9.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	36.0	0.3%	1.4	11,998	436.1	3,930	9.1	32,200	6.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.6	2.4%	1.2	109,027	986.8	1,518	49.9	82,500	25.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.3	0.2%	0.7	132,085	536.7	4,194	15.1	64,500	48.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	46.5	0.11%	1.4	10,180	232.7	2,098	22.1	26.5%		Link
FRT	Bán lẻ	156.6	-0.89%	0.9	26,908	50.0	2,623	60.2	33.7%		Link
BVH	Bảo hiểm	52.2	0.38%	1.2	38,601	39.3	2,975	17.5	27.3%		
DIG	Bất động sản	23.3	6.88%	1.5	14,092	710.6	303	71.9	4.8%		
DXG	Bất động sản	21.0	5.28%	1.6	20,276	753.9	310	64.3	26.0%		Link
HDC	Bất động sản	34.8	5.30%	1.3	5,886	224.1	443	74.6	4.4%		
HDG	Bất động sản	29.0	3.57%	1.4	10,359	256.4	762	36.7	16.8%		Link
IDC	Bất động sản	47.1	1.07%	1.3	15,378	200.1	4,982	9.4	18.9%		
NLG	Bất động sản	42.7	2.52%	1.4	16,038	245.0	1,827	22.8	48.3%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	67.0	-1.03%	1.3	16,391	59.8	5,282	12.8	3.8%		
SZC	Bất động sản	39.2	2.89%	1.1	6,857	167.7	1,978	19.3	2.6%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	26.4	3.12%	1.4	17,106	274.6	1,279	20.0	12.2%		Link
VIC	Bất động sản	115.6	1.31%	1.0	436,280	379.0	2,823	40.4	6.8%		
VRE	Bất động sản	29.4	-0.51%	0.9	67,033	126.2	1,844	16.0	18.4%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	42.7	-0.23%	1.3	9,033	96.5	1,650	25.9	36.8%		Link
PLX	Dầu khí	37.9	-0.66%	1.0	48,410	150.5	1,535	24.8	17.0%		Link
PVD	Dầu khí	21.5	1.66%	1.2	11,729	213.9	1,246	16.9	3.9%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	44.1	5.50%	1.5	14,484	419.5	1,348	31.0	27.8%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	35.2	10.00%	1.7	18,329	379.1	1,554	20.6	5.8%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.9	0.29%	1.1	160,942	81.2	4,543	15.1	1.9%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.8	3.86%	1.3	33,372	354.5	546	26.1	3.2%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.5	-0.29%	0.8	37,754	76.2	3,922	17.8	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	127.0	4.18%	0.9	72,117	413.3	2,753	44.3	7.8%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.2	6.92%	1.5	48,278	978.4	1,954	27.4	8.2%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.5	0.17%	1.1	24,539	292.7	3,765	15.5	39.5%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	76.0	2.29%	1.2	9,651	467.0	5,594	13.3	4.2%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.7	-0.27%	1.2	8,788	91.6	2,293	8.2	9.2%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	121.7	0.16%	0.0	14,797	110.2	3,235	37.6	5.4%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	86.0	-0.46%	1.2	29,195	92.0	6,105	14.2	49.0%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	33.0	1.54%	1.0	3,641	100.5	2,608	12.5	50.0%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.8	0.46%	1.5	2,660	48.1	2,844	7.6	16.8%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	41.6	0.61%	1.1	16,162	216.8	1,223	33.8	7.8%		Link
GVR	Hóa chất	31.4	0.64%	1.3	124,800	306.5	1,174	26.6	0.8%		
EIB	Ngân hàng	29.4	5.96%	1.2	51,597	697.5	1,856	14.9	5.1%		Link
LPB	Ngân hàng	36.6	3.69%	0.5	105,302	264.0	3,324	10.6	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.5	1.31%	0.0	26,250	35.0	2,239	6.8	2.0%		
OCB	Ngân hàng	13.9	6.95%	1.0	31,932	248.0	1,189	10.9	19.7%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.1	6.98%	1.5	6,736	577.9	1,122	13.4	5.9%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	24.9	1.22%	1.5	6,537	136.1	1,871	13.1	2.6%	16.8%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.9	1.01%	0.6	10,489	203.9	1,364	25.3	3.5%	15.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.3	0.41%	0.7	62,974	136.3	3,217	15.3	58.9%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.4	0.52%	1.2	13,041	141.5	5,567	10.4	21.2%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	143.4	-1.31%	0.8	11,894	32.7	13,894	10.5	85.9%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.5	0.36%	1.4	8,540	134.3	3,235	26.0	48.5%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	99.6	0.91%	1.2	11,290	96.0	4,754	20.8	9.0%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	48.5	2.21%	1.5	4,783	171.7	2,336	20.3	4.8%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.5	2.28%	1.3	6,541	257.9	1,025	12.8	10.7%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	26.2	4.17%	1.2	8,995	258.1	1,237	20.3	14.6%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.4	2.53%	1.4	16,614	395.3	915	28.1	7.7%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	56.0	6.87%	1.4	23,494	32.3	2,720	19.3	5.4%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_ Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_ Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
3	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_ Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
8	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
9	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
10	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>